BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4.	Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	6 - 9
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	10
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11 - 12
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	13 - 44
8.	Phụ lục	45

****

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TIE (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Văn phòng Công ty Cổ phần TIE tại TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh").

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần TIE được thành lập từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu TIE. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301173454 (số cũ 4103002484) đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 7 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần 1 đến lần 18 về việc bổ sung nghề kinh doanh, thay đổi người đại diện pháp luật, tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Trụ sở chính
- Địa chỉ : Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 38 330 855
- Fax : 38 332 754

Công ty đã đăng ký địa điểm kinh doanh tại số 462, đường Lê Đức Thọ, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00003 ngày 23 tháng 12 năm 2015.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Cơ điện TIE	Khu sản xuất Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty Cổ phần TIE tại Phú Quốc	Số 249 – 251, đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần TIE tại Hà Nội	Tổ 24, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần TIE tại Cần Thơ (đã giải thể trong năm)	Số 48/18A, đường Mậu Thân, phường An Phú, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần TIE tại Đà Nẵng (đã giải thể trong năm)	Số 360, đường Nguyễn Tri Phương, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; Đại lý ký gửi hàng hóa; Mua bán hàng hóa liên quan đến các sản phẩm về giấy,...

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Thế Vinh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2016
Ông Vũ Quốc Vinh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 4 năm 2016
Bà Đỗ Thị Kim Oanh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016
Bà Phạm Thúy Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2012
Ông Hoàng Minh Trí	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 4 năm 2014
Ông Lê Ngọc Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2016
Bà Đặng Thị Hoàng Anh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2016
Bà Đặng Thị Hoàng Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2016
Bà Phạm Thị Thanh Nhàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
Ông Đặng Chu Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Đỗ Thị Kim Oanh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016
Ông Lê Ngọc Hưng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016
Bà Phạm Thúy Oanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2016
Ông Đặng Chu Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2016

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Đỗ Thị Kim Oanh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016
Ông Lê Ngọc Hưng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Kim Oanh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

BAKER TILLY
A&C
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0511/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần TIE tại TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh"), được lập ngày 20 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc	**Nguyễn Quang Châu - Kiểm toán viên**
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1	*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2607-2013-008-1*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2017

an independent member of BAKER TILLY INTERNATIONAL

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**164.099.659.465**	**257.763.646.841**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**111.071.705.543**	**103.062.248.235**
1. Tiền	111		25.071.705.543	16.562.248.235
2. Các khoản tương đương tiền	112		86.000.000.000	86.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**1.232.764.250**	**1.184.679.900**
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	4.077.271.370	4.077.271.370
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(2.844.507.120)	(2.892.591.470)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**36.516.598.625**	**95.917.571.128**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	35.018.752.065	79.407.633.620
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	817.629.168	2.464.051.614
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		8.017.741.294	9.428.345.438
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	6.709.305.857	13.376.190.366
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(14.046.829.759)	(8.758.649.910)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**14.500.754.190**	**52.875.344.170**
1. Hàng tồn kho	141	V.7	25.028.430.902	59.423.854.542
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(10.527.676.712)	(6.548.510.372)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**777.836.857**	**4.723.803.408**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		87.806.087	277.920.922
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	643.385.411
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	690.030.770	3.802.497.075
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B-	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**148.010.929.522**	**138.488.346.968**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**1.266.256.900**	**500.000.000**
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.266.256.900	500.000.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**45.463.515.827**	**28.204.258.795**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	35.232.260.744	17.750.933.144
-	*Nguyên giá*	*222*		*45.476.544.412*	*27.875.997.034*
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(10.244.283.668)*	*(10.125.063.890)*
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
-	*Nguyên giá*	*225*		-	-
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*226*		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	10.231.255.083	10.453.325.651
-	*Nguyên giá*	*228*		*12.192.057.112*	*12.192.057.112*
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(1.960.802.029)*	*(1.738.731.461)*
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**	**V.10**	**11.916.526.443**	**11.916.526.443**
-	Nguyên giá	231		13.531.170.316	13.531.170.316
-	Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.614.643.873)	(1.614.643.873)
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**90.022.594**	**15.085.566.749**
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	90.022.594	15.085.566.749
V.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**89.210.607.758**	**82.483.336.422**
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	29.590.000.000	24.290.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	54.900.000.000	44.400.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	8.674.710.000	17.174.710.000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(3.954.102.242)	(3.381.373.578)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**64.000.000**	**298.658.559**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		64.000.000	298.658.559
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**312.110.588.987**	**396.251.993.809**

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**40.191.234.581**	**138.671.853.936**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**40.191.234.581**	**136.671.853.936**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	22.700.208.751	13.614.391.445
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	237.147.524	90.984.772
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	3.125.194.413	3.758.806.929
4. Phải trả người lao động	314		797.558.739	1.669.483.738
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	110.892.911	473.844.075
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		5.215.339.379	3.670.571.390
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		91.203.914	635.070.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	7.913.688.950	1.349.260.111
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	-	111.409.441.476
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		-	**2.000.000.000**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.20	-	2.000.000.000

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**271.919.354.406**	**257.580.139.873**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**271.919.354.406**	**257.580.139.873**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	95.699.000.000	95.699.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*95.699.000.000*	*95.699.000.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	147.820.799.944	147.214.109.765
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	28.399.554.462	14.667.030.108
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*11.026.889.036*	*14.667.030.108*
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*17.372.665.426*	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**312.110.588.987**	**396.251.993.809**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thúy Oanh	**Phạm Thúy Oanh**	**Đỗ Thị Kim Oanh**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	01	VI.1	112.009.410.834	276.236.795.684
2.	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	02	VI.2	5.253.568.991	828.427.282
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	10		106.755.841.843	275.408.368.402
4.	**Giá vốn hàng bán**	11	VI.3	118.562.323.104	271.669.849.078
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	20		(11.806.481.261)	3.738.519.324
6.	**Doanh thu hoạt động tài chính**	21	VI.4	3.282.948.004	5.689.590.590
7.	**Chi phí tài chính**	22	VI.5	3.801.949.992	7.734.237.272
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.878.350.301	6.073.436.959
8.	**Chi phí bán hàng**	25	VI.6	22.789.121.001	28.342.926.088
9.	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	26	VI.7	17.256.248.391	14.966.899.186
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	30		(52.370.852.641)	(41.615.952.632)
11.	**Thu nhập khác**	31	VI.8	78.255.526.164	62.336.429.694
12.	**Chi phí khác**	32	VI.9	877.330.589	1.279.554.573
13.	**Lợi nhuận khác**	40		77.378.195.575	61.056.875.121
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	50		25.007.342.934	19.440.922.489
15.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	51	V.15	5.531.302.092	3.599.440.304
16.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**	52		-	
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	60		19.476.040.842	15.841.482.185
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	70	VI.10		
19.	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	71	VI.10		

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thúy Oanh	**Phạm Thúy Oanh**	**Đỗ Thị Kim Oanh**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***		***25.007.342.934***	***19.440.922.489***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***				
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9	1.716.443.465	1.355.917.012
-	Các khoản dự phòng	03	V.2, 6, 7	9.791.990.503	3.250.883.819
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	266.978.095	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(70.869.015.609)	(52.212.488.535)
-	Chi phí lãi vay	06	VI.5	2.878.350.301	6.073.436.959
-	Các khoản điều chỉnh khác	07	V.20	(2.000.000.000)	-
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***(33.207.910.311)***	***(22.091.328.256)***
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		48.563.756.185	(5.878.357.403)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		34.395.423.640	11.462.286.835
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		7.384.793.808	(5.189.812.555)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		424.773.394	640.230.109
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	8.234.593.448
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(2.878.350.301)	(6.073.436.959)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(3.553.803.420)	(3.599.440.304)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		60.736.586.305	14.038.411.976
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.203.635.491)	(4.530.934.746)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***109.661.633.809***	***(12.987.787.855)***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, 11	(4.604.748.182)	(7.199.094.978)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		13.100.000.000	45.682.725.223
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(10.500.000.000)	(46.302.400.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		8.840.000.000	12.250.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.922.013.157	4.099.190.971
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***9.757.264.975***	***9.530.421.216***

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33	V.18	30.105.333.501	223.415.906.596
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(141.514.774.977)	(188.218.999.483)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(23.304.849.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(111.409.441.476)***	***11.892.058.113***
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**8.009.457.308**	**8.434.691.474**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**103.062.248.235**	**94.627.556.761**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**111.071.705.543**	**103.062.248.235**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thúy Oanh	Phạm Thúy Oanh	Đỗ Thị Kim Oanh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn
Công ty Cổ phần TIE (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh
Lĩnh vực kinh doanh của Văn phòng Công ty Cổ phần TIE tại TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh") là thương mại – dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh
Hoạt động kinh doanh chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh là: Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; đại lý ký gửi hàng hóa; mua bán hàng hóa liên quan đến các sản phẩm về giấy,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính
Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh chủ yếu đến từ các khoản thu nhập khác sau:

- Thu nhập trị giá 57.600.000.000 VND có được từ việc tham gia hợp tác với Công ty TNHH Mega TIE để đầu tư xây dựng Khu phức hợp tại khu đất có diện tích 5.700 m^2 tại địa chỉ số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh theo Thỏa thuận Hợp tác số 30/01/NVLG-TIE/2015/TTHT ngày 30 tháng 01 năm 2015 và Phụ lục 03 ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Thỏa thuận hợp tác này giữa Công ty với Công ty Cổ phần Ngôi nhà Mega.
- Thu nhập trị giá 10.000.000.000 VND từ chuyển nhượng công trình trên đất tại số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh (Trụ sở chính của Công ty) cho Công ty TNHH Mega TIE theo Hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất số 141-1/HĐT/2016 ngày 29 tháng 12 năm 2016.

6. Cấu trúc Công ty
Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Giải pháp Thông minh Sài Gòn	Số 760, đường Điện Biên Phủ, Phường 10, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	Thiết kế, kinh doanh phần mềm, thiết bị điện tử và máy vi tính.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH Văn phòng phẩm TIE Miền Bắc (tên cũ là Công ty TNHH Vĩnh Tiến – TIE)	Khu 4, phường Cẩm Thượng, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Sản xuất và bán buôn các sản phẩm tập giấy.	90,00%	90,00%	90,00%

Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Tiến Đạt - TIE	Số 41/7, đường TMT 03, Khu phố 1, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	Đại lý vé tàu, vé máy bay; Khách sạn; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; dịch vụ phục vụ đồ uống; bán buôn thực phẩm; bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ; hoạt động của các cơ sở thể thao; hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề; săn sóc da mặt; cắt tóc, làm đầu, gội đầu; cho thuê xe có động cơ; đại lý du lịch; điều hành tua du lịch; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty TNHH Mega TIE	Số 36-38, đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 15, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; hoàn thiện công trình xây dựng; kinh doanh bất động sản; tư vấn bất động sản; quảng cáo bất động sản.	26,00%	26,00%	26,00%
Công ty Cổ phần Văn hóa TIE	Số 63, đường Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Bán buôn sách báo, tạp chí, văn phòng phẩm; bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh (có nội dung được phép lưu hành).	43,00%	43,00%	43,00%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Cơ điện TIE	Khu sản xuất Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty Cổ phần TIE tại Phú Quốc	Số 249 – 251, đường Nguyễn Trung Trực, Khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần TIE tại Hà Nội	Tổ 24, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần TIE tại Cần Thơ (đã giải thể trong năm)	Số 48/18A, đường Mậu Thân, phường An Phú, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần TIE tại Đà Nẵng (đã giải thể trong năm)	Số 360, đường Nguyễn Tri Phương, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có 142 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 103 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất tại số 249, đường Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 173,3 m^2. Quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn và không tính khấu hao.
- Quyền sử dụng thửa đất số 55, tại đường Trần Hưng Đạo, Khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 3.755,4 m^2. Thời gian sử dụng đất là 42 năm (từ ngày 31 tháng 7 năm 2015 đến ngày 10 tháng 12 năm 2057).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu hàng bán trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh gồm các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	259.070.615	296.423.118
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.812.634.928	15.265.825.117
Tiền đang chuyển	-	1.000.000.000
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	86.000.000.000	86.500.000.000
Cộng	**111.071.705.543**	**103.062.248.235**

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	980.000.000	-	(980.000.000)	980.000.000	30.000.000	(950.000.000)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	443.592.470	299.007.450	(144.585.020)	443.592.470	414.497.100	(29.095.370)
Công ty Cổ phần Vận chuyển Saigon Tourist	396.936.100	360.132.800	(36.803.300)	396.936.100	137.923.200	(259.012.900)
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình	2.256.742.800	573.624.000	(1.683.118.800)	2.256.742.800	602.259.600	(1.654.483.200)
Cộng	**4.077.271.370**	**1.232.764.250**	**(2.844.507.120)**	**4.077.271.370**	**1.184.679.900**	**(2.892.591.470)**

Trong năm, Công ty nhận cổ tức bằng cổ phiếu từ Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là 2.618 cổ phiếu.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.892.591.470	3.052.562.470
Hoàn nhập dự phòng	(48.084.350)	(159.971.000)
Số cuối năm	**2.844.507.120**	**2.892.591.470**

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	***29.590.000.000***	-	***24.290.000.000***	-
Công ty TNHH Giải pháp Thông minh Sài Gòn (i)	2.590.000.000	-	2.590.000.000	-
Công ty TNHH Văn phòng phẩm TIE Miền Bắc (ii)	27.000.000.000	-	21.700.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	***54.900.000.000***	***(646.868.492)***	***44.400.000.000***	-
Công ty TNHH Tiến Đạt – TIE (iii)	8.400.000.000	-	8.400.000.000	-
Công ty TNHH Mega TIE (iv)	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Văn hóa TIE (v)	10.500.000.000	(646.868.492)	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	***8.674.710.000***	***(3.307.233.750)***	***17.174.710.000***	***(3.381.373.578)***
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	8.674.710.000	(3.307.233.750)	8.674.710.000	(3.307.233.750)
Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Đông Dương	-	-	8.500.000.000	(74.139.828)
Cộng	**93.164.710.000**	**(3.954.102.242)**	**85.864.710.000**	**(3.381.373.578)**

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312554596 ngày 19 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Giải pháp Thông minh Sài Gòn 4.590.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 2.590.000.000 VND, tương đương 28,77% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Giải pháp Thông minh Sài Gòn là 2.000.000.000 VND.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0801093503 thay đổi lần thứ 4 ngày 25 tháng 5 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Văn phòng phẩm TIE Miền Bắc (tên cũ là Công ty TNHH Vĩnh Tiến – TIE) 27.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313435866 ngày 10 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Tiến Đạt - TIE 8.400.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313377082 ngày 31 tháng 7 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Mega TIE 54.600.000.000 VND, tương đương 26% vốn điều lệ. Công ty đã đầu tư 36.000.000.000 VND, tương đương 17,14% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Mega TIE là 18.600.000.000 VND.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 14/2016/BB-HĐQT ngày 02 tháng 12 năm 2016, Hội đồng quản trị đã thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ khoản vốn đang đầu tư của Công ty trong Công ty TNHH Mega TIE cho đối tác khác. Đồng thời theo Phụ lục số 03 ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Thỏa thuận Hợp tác số 30/01/NVLG-TIE/2015/TTHT ngày 30 tháng 01 năm 2015 giữa Công ty với Công ty Cổ phần Ngôi nhà Mega, Công ty sẽ hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng và nhận khoản thanh toán giá trị vốn góp trong Công ty TNHH Mega TIE từ Công ty Cổ phần Ngôi nhà Mega chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm 2017.

(v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313937520 ngày 26 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Văn hóa TIE 29.240.000.000 VND, tương đương 43% vốn điều lệ. Công ty đã đầu tư 10.500.000.000 VND, tương đương 15,44% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Văn hóa TIE là 18.740.000.000 VND.

Giá trị hợp lý

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.381.373.578	3.381.373.578
Trích lập dự phòng bổ sung	572.728.664	-
Số cuối năm	**3.954.102.242**	**3.381.373.578**

Tình hình hoạt động của các công ty con và các công ty liên kết

Công ty TNHH Mega TIE và Công ty TNHH Tiến Đạt - TIE hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các công ty con và các công ty liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty con và các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh với các công ty con và các công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Giải pháp Thông minh Sài Gòn		
Vay ngắn hạn	1.400.000.000	-
Bán hàng hóa	267.863.476	-
Thu lại tiền cho vay	-	1.000.000.000
Lãi tiền cho vay	-	24.444.443
Mua hàng hóa	-	693.363.700
Tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng	-	10.000.000
Công ty TNHH Văn phòng phẩm TIE Miền Bắc		
Bán hàng hóa	325.972.564	15.707.029.026
Mua hàng hóa	3.019.693.415	16.852.579.015
Góp vốn	5.300.000.000	7.060.000.000
Công ty TNHH Tiến Đạt - TIE		
Góp vốn	-	8.400.000.000

	Năm nay	Năm trước
Chuyển nhượng quyền sử dụng 4.506,2 m^2 đất tại thửa đất số 17, đường Trần Hưng Đạo, Khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	-	24.543.861.587
Chi hộ phí công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	10.000.000
Công ty TNHH Mega TIE		
Góp vốn	-	36.000.000.000
Thu nhập từ hợp tác đầu tư xây dựng Khu phức hợp tại khu đất có diện tích 5.700 m^2 tại địa chỉ số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh theo Thỏa thuận Hợp tác số 30/01/NVLG-TIE/2015/TTHT ngày 30 tháng 01 năm 2015 và và Phụ lục 03 của Thỏa thuận này	57.600.000.000	-
Chuyển nhượng tài sản trên đất tại số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	10.000.000.000	24.000.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ giao dịch chuyển nhượng tài sản trên đất tại số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh sẽ nộp hộ	-	3.553.803.420
Công ty Cổ phần Văn hóa TIE		
Mua hàng hóa	220.565.599	-
Bán hàng hóa	949.111.048	-
Góp vốn	10.500.000.000	-

Cam kết góp vốn
Tình hình góp vốn của Công ty vào các khoản đầu tư như sau:

	Vốn điều lệ của Công ty đầu tư	Vốn cam kết góp	Tỷ lệ cam kết góp	Vốn đã góp	Vốn còn phải góp
Công ty TNHH Giải pháp Thông minh Sài Gòn	9.000.000.000	4.590.000.000	51,00%	2.590.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Mega TIE	210.000.000.000	54.600.000.000	26,00%	36.000.000.000	18.600.000.000
Công ty Cổ phần Văn hóa TIE	68.000.000.000	29.240.000.000	43,00%	10.500.000.000	18.740.000.000
Cộng	**287.000.000.000**	**88.430.000.000**		**49.090.000.000**	**39.340.000.000**

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	***2.915.523.801***	***8.719.501.933***
Công ty TNHH Giải pháp Thông minh Sài Gòn	-	612.446.000
Công ty TNHH Văn phòng phẩm TIE Miền Bắc	2.435.214.702	5.107.055.933
Công ty TNHH Tiến Đạt - TIE (tiền bán đất)	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Văn hóa TIE	480.309.099	-
Phải thu các khách hàng khác	***32.103.228.264***	***70.688.131.687***
Công ty Cổ phần Bao bì Tân Duy Lợi	13.405.372.168	15.922.236.811
Công ty Cổ phần Kết nối công nghệ Tiên Tiến	-	9.136.428.523
Các khách hàng khác	18.697.856.096	45.629.466.353
Cộng	**35.018.752.065**	**79.407.633.620**

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan	***443.520.000***	***453.471.370***
Công ty TNHH Giải pháp Thông minh Sài Gòn	443.520.000	453.471.370
Trả trước cho người bán khác	***374.109.168***	***2.010.580.244***
Công ty Cổ phần Truyền thông Du lịch Việt	-	376.912.140
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại May mặc Xuất khẩu Hải Tuyến	-	225.753.000
Zhuhai J-Speed Technology Co., Ltd.	-	227.634.110
Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn	-	252.780.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ 7777	156.750.000	-
Trung tâm Dịch vụ Bán đấu giá tài sản TP. Hồ Chí Minh	98.272.549	98.272.549
Các nhà cung cấp khác	119.086.619	829.228.445
Cộng	**817.629.168**	**2.464.051.614**

5. Phải thu khác

5a. *Phải thu ngắn hạn khác*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	***1.938.100.000***	-	***3.991.903.420***	-
Công ty TNHH Mega TIE – thuế thu nhập doanh nghiệp từ giao dịch bán công trình trên đất nộp hộ	-	-	3.553.803.420	-
Công ty TNHH Mega TIE – các khoản chi hộ khác	438.100.000	-	438.100.000	-
Công ty TNHH Văn phòng phẩm TIE Miền Bắc – tiền mượn	1.500.000.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	***4.771.205.857***	-	***9.384.286.946***	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản EXIMLAND	-	-	1.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Viễn thông Thế hệ mới NGT – tiền góp vốn	3.210.000.000	-	3.210.000.000	-
Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến – tiền chiết khấu, hỗ trợ	-	-	2.279.801.553	-
Thù lao tạm chi cho các thành viên Hội đồng quản trị	-	-	277.857.108	-
Tạm chi quỹ khen thưởng, phúc lợi (xem thuyết minh số V.19)	839.892.636	-	1.329.813.931	-
Tạm ứng	240.674.335	-	740.302.328	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	480.638.886	-	296.512.026	-
Cộng	**6.709.305.857**	-	**13.376.190.366**	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản tiền đặt cọc để thuê nhà ở các chi nhánh.

6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Bên liên quan		-	-		***5.107.055.933***	***5.107.055.933***
Công ty TNHH Vĩnh Tiến - TIE		-	-	92 ngày	5.107.055.933	5.107.055.933
Các tổ chức khác		***34.292.890.681***	***20.246.060.922***		***38.887.227.179***	***30.128.577.269***
Công ty Cổ phần Bao bì Tân Duy Lợi – phải thu tiền bán hàng	282 ngày	13.405.372.168	10.491.802.548	35 ngày	2.866.801.806	2.866.801.806
Công ty TNHH An Gia An – phải thu tiền bán hàng		-	-	454 ngày	3.700.270.812	3.700.270.812
Công ty Cổ phần Kết nối công nghệ Tiên Tiến – phải thu tiền bán hàng		-		92 ngày	7.289.968.523	7.289.968.523
Công ty TNHH Thương mại Hải Tàu – phải thu tiền bán hàng	266 ngày	1.013.772.726	709.640.908	33 ngày	4.062.372.750	4.062.372.750
Công ty TNHH Nguyên Khang – phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	2.401.047.488		Trên 3 năm	2.401.047.488	-
Công ty Cổ phần Viễn thông Thế hệ mới NGT – phải thu tiền chuyển nhượng vốn góp	Trên 3 năm	3.210.000.000	-	Trên 3 năm	3.210.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	14.262.698.299	9.044.617.466	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	15.356.765.800	12.209.163.378
Cộng		**34.292.890.681**	**20.246.060.922**		**43.994.283.112**	**35.235.633.202**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.758.649.910	6.886.508.059
Trích lập dự phòng bổ sung	5.288.179.849	1.872.141.851
Số cuối năm	**14.046.829.759**	**8.758.649.910**

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	184.480.466	-	545.061.489	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	51.891.107	-	94.947.050	
Thành phẩm	241.210.435	-	564.891.998	
Hàng hóa	24.550.848.894	(10.527.676.712)	58.218.954.005	(6.548.510.372)
Cộng	**25.028.430.902**	**(10.527.676.712)**	**59.423.854.542**	**(6.548.510.372)**

Giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển và giảm giá như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	181.935.668	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	51.891.234	43.055.816
Thành phẩm	241.210.435	564.891.998
Hàng hóa	23.440.285.254	17.016.080.498
Cộng	**23.915.322.591**	**17.624.028.312**

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.548.510.372	5.009.797.404
Trích lập dự phòng bổ sung	3.979.166.340	1.538.712.968
Số cuối năm	**10.527.676.712**	**6.548.510.372**

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	19.113.047.939	1.781.037.039	6.415.514.587	566.397.469	27.875.997.034
Mua trong năm	-	-	3.507.055.337	150.318.183	3.657.373.520
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	15.923.813.364	-	-	-	15.923.813.364
Thanh lý, nhượng bán	(1.936.740.287)	-	-	-	(1.936.740.287)
Giảm do mất mát	-	(43.899.219)	-	-	(43.899.219)
Số cuối năm	**33.100.121.016**	**1.737.137.820**	**9.922.569.924**	**716.715.652**	**45.476.544.412**
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	202.551.327	234.177.600	991.924.989	185.359.485	1.614.013.401
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.861.311.571	687.962.449	3.205.158.585	370.631.285	10.125.063.890
Khấu hao trong năm ở Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh	840.500.269	-	626.009.300	27.863.328	1.494.372.897
Khấu hao trong năm chuyển về Chi nhánh	146.095.128	217.769.622	82.103.611	66.520.478	512.488.839
Thanh lý, nhượng bán	(1.843.742.739)	-	-	-	(1.843.742.739)
Giảm do mất mát	-	(43.899.219)	-	-	(43.899.219)
Số cuối năm	5.004.164.229	861.832.852	3.913.271.496	465.015.091	10.244.283.668
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	13.251.736.368	1.093.074.590	3.210.356.002	195.766.184	17.750.933.144
Số cuối năm	**28.095.956.787**	**875.304.968**	**6.009.298.428**	**251.700.561**	**35.232.260.744**
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	11.333.564.272	858.492.840	12.192.057.112
Số cuối năm	**11.333.564.272**	**858.492.840**	**12.192.057.112**
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.009.381.303	729.350.158	1.738.731.461
Khấu hao trong năm	136.221.288	85.849.280	222.070.568
Số cuối năm	**1.145.602.591**	**815.199.438**	**1.960.802.029**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	10.324.182.969	129.142.682	10.453.325.651
Số cuối năm	**10.187.961.681**	**43.293.402**	**10.231.255.083**
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh được nắm giữ chờ tăng giá. Chi tiết phát sinh như sau:

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	13.531.170.316
Số cuối năm	**13.531.170.316**
Trong đó:	
Đã khấu hao hết	-
Giá trị hao mòn đã trích theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC	
Số đầu năm	1.614.643.873
Số cuối năm	**1.614.643.873**
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	11.916.526.443
Số cuối năm	**11.916.526.443**

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Công ty là khu đất có diện tích 38.887,9 m^2 tại phường Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Cộng
Khu giải trí và hàng lưu niệm tại Phú Quốc	14.995.544.155	947.374.662	(15.923.813.364)	(19.105.453)	-
Chi phí định giá đất Bình Chuẩn	90.022.594	-	-	-	90.022.594
Cộng	**15.085.566.749**	**947.374.662**	**(15.923.813.364)**	**(19.105.453)**	**90.022.594**

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế của năm 2015 với số tiền là 12.096.739.149 VND.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản lỗ này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	-	***1.687.015.210***
Công ty TNHH Văn phòng phẩm TIE Miền Bắc	-	1.687.015.210
Phải trả các nhà cung cấp khác	***22.700.208.751***	***11.927.376.235***
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	8.934.468.099	11.725.000
Logitech Asia Pacific LTD	3.468.665.951	-
TP Vision Singapore PTE LTD	7.937.075.940	-
Công ty Cổ phần Kết nối Công nghệ Tiên Tiến	-	5.698.896.000
Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina	1.438.122.174	1.319.994.859
MMD Singapore Pte Ltd.	-	1.492.898.000
Các nhà cung cấp khác	921.876.587	3.403.862.376
Cộng	**22.700.208.751**	**13.614.391.445**

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phú Thu	101.826.997	-
Các khách hàng khác	135.320.527	90.984.772
Cộng	**237.147.524**	**90.984.772**

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số được hoàn	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	1.593.320.088	(585.938.585)	-	1.007.381.503	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.880.202	-	3.957.314.915	(3.959.195.117)	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	631.966.619	(631.966.619)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.802.497.075	-	-	3.112.466.305	-	690.030.770
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	3.553.803.420	-	1.977.498.672	(3.553.803.420)	-	1.977.498.672	-
Thuế thu nhập cá nhân	203.123.307	-	527.949.196	(590.758.265)	-	140.314.238	-
Tiền thuê đất	-	-	3.250.212.043	(3.250.212.043)	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-	-
Cộng	**3.758.806.929**	**3.802.497.075**	**11.947.261.533**	**(12.580.874.049)**	**3.112.466.305**	**3.125.194.413**	**690.030.770**

Thuế giá trị gia tăng

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ bảo hành, màn hình vi tính, máy tính tiền, máy chiếu …	10%
Hàng hóa xuất khẩu	0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm sẽ được tính cho toàn Công ty, không tính riêng cho Văn phòng TP. Hồ Chí Minh (xem Báo cáo tài chính tổng hợp toàn Công ty về nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tri ân khách hàng	-	110.550.000
Chiết khấu thanh toán đúng hạn	64.682.195	226.389.218
Chi phí hỗ trợ cho đại lý bán hàng	46.210.716	136.904.857
Cộng	**110.892.911**	**473.844.075**

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	***978.793.093***	***10.000.000***
Công ty TNHH Giải pháp Thông minh Sài Gòn – phải trả tiền mượn	978.793.093	-
Công ty TNHH Giải pháp Thông minh Sài Gòn – phải trả tiền đảm bảo thực hiện hợp đồng	-	10.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	***6.934.895.857***	***1.339.260.111***
Công ty Cổ phần Ngôi nhà Mega - chi hộ	-	529.184.697
Công ty Cổ phần Bao bì Tân Duy Lợi – phải trả tiền mua vốn góp Công ty TNHH Văn phòng phẩm TIE Miền Bắc	5.300.000.000	-
Kinh phí công đoàn	24.921.200	23.197.799
Bảo hiểm xã hội	14.648.890	14.648.890
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	18.656.999	-
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	656.992.857	692.452.857
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	919.675.911	79.775.868
Cộng	**7.913.688.950**	**1.349.260.111**

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	77.106.097.760
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Phú Nhuận	-	34.303.343.716
Cộng	**-**	**111.409.441.476**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	77.106.097.760	16.552.745.366	(93.658.843.126)	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Phú Nhuận	34.303.343.716	13.552.588.135	(47.855.931.851)	-
Cộng	**111.409.441.476**	**30.105.333.501**	**(141.514.774.977)**	**-**

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.329.813.931)	3.162.708.839
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.669.436.786	-
Tăng khác	24.120.000	38.411.976
Chi quỹ trong năm	(2.203.635.491)	(4.530.934.746)
Số cuối năm	**(839.892.636)**	**(1.329.813.931)**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt nguồn được trình bày ở khoản mục "Các khoản phải thu ngắn hạn khác" (xem thuyết minh số V.5a).

20. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.000.000.000	2.000.000.000
Hoàn nhập vào chi phí quản lý doanh nghiệp	(2.000.000.000)	-
Số cuối năm	**-**	**2.000.000.000**

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

21b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.569.900	9.569.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.569.900	9.569.900
- *Cổ phiếu phổ thông*	*9.569.900*	*9.569.900*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- *Cổ phiếu phổ thông*	-	-
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.569.900	9.569.900
- *Cổ phiếu phổ thông*	*9.569.900*	*9.569.900*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 ngày 28 tháng 4 năm 2016 như sau:

		VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	606.690.179
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	2.669.436.786
• Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành	:	364.014.107

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

22a. Tài sản nhận giữ hộ

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đang nhận giữ hộ các loại hàng hóa của các khách hàng với số lượng như sau:

	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Màn hình và linh kiện điện tử	Cái	-	152
Tập và sổ	Cuốn	68.140	83.242

22b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	2.086,70	2.012,72
Nhân dân tệ (CNY)	21,00	-

22c. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Ông Phạm Văn Hoàng	5.879.892.055	5.879.892.055	Không có khả năng thu nợ
Các đối tượng khác	1.317.737.655	1.317.737.655	Không có khả năng thu nợ
Cộng	**7.197.629.710**	**7.197.629.710**	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	105.694.007.718	258.982.334.059
Doanh thu bán thành phẩm	338.794.161	535.438.685
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.976.608.955	16.716.486.577
Doanh thu khác	-	2.536.363
Cộng	**112.009.410.834**	**276.236.795.684**

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng cho các công ty con và các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	114.066.410.083	257.438.254.728
Giá vốn của thành phẩm đã bán	934.210.664	866.119.706
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.561.702.357	13.365.474.644
Cộng	**118.562.323.104**	**271.669.849.078**

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.856.801.297	4.074.746.528
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	37.455.860	30.038.174
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	20.775.912	165.142.093
Lãi chuyển nhượng vốn góp	340.000.000	846.619.352
Cổ tức và lợi nhuận được chia	27.756.000	-
Lãi chuyển nhượng vốn góp	-	548.600.000
Thu nhập từ lãi cho vay	-	24.444.443
Doanh thu tài chính khác	158.935	-
Cộng	**3.282.948.004**	**5.689.590.590**

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.878.350.301	6.073.436.959
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	131.413.057	1.781.274.637
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ	266.978.095	-
Lỗ bán chứng khoán kinh doanh	-	23.305.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	524.644.314	(159.971.000)
Chi phí tài chính khác	564.225	16.191.676
Cộng	**3.801.949.992**	**7.734.237.272**

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.274.717.239	7.855.241.306
Chi phí vật liệu, bao bì	119.834.724	61.194.681
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	160.744.270	171.705.257
Chi phí khấu hao tài sản cố định	909.753.142	520.289.654
Chi phí bảo hành	142.498.182	430.296.730
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.986.144.659	4.435.973.787
Giá vốn hàng khuyến mãi	1.063.264.252	4.878.800.415
Chi phí hỗ trợ đại lý & chiết khấu	1.055.600.189	2.424.758.171
Chi phí xử lý hao hụt	-	708.495.117
Các chi phí khác	7.076.564.344	6.856.170.970
Cộng	**22.789.121.001**	**28.342.926.088**

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.634.365.478	6.667.582.110
Chi phí vật liệu quản lý	182.871.767	68.493.806
Chi phí đồ dùng văn phòng	190.259.902	110.093.047
Chi phí khấu hao tài sản cố định	806.690.323	835.627.358
Thuế, phí và lệ phí	14.051.908	1.455.253.209

	Năm nay	Năm trước
Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi	5.288.179.849	1.872.141.851
Hoàn nhập quỹ khoa học công nghệ	(2.000.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.214.589.783	1.360.488.473
Các chi phí khác	2.925.239.381	2.597.219.332
Cộng	**17.256.248.391**	**14.966.899.186**

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Khoản thu hỗ trợ tiền bán hàng từ nhà cung cấp	8.680.814.163	12.503.876.983
Thu tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ, Quận 10 do chưa chuyển giao	670.829.647	641.092.000
Thu nhập từ hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Ngôi nhà Mega	-	14.000.000.000
Thu nhập từ hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Mega TIE	57.600.000.000	-
Lãi từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở Phú Quốc	-	17.492.377.179
Lãi từ chuyển nhượng công trình trên đất tại số 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	10.000.000.000	16.153.651.910
Tiền phạt chậm thanh toán Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến	-	740.294.894
Lãi thanh lý tài sản cố định	7.002.452	-
Bồi thường mất tài sản	100.000.000	-
Thuế nhập khẩu được hoàn	178.179.459	-
Hoàn dịch vụ chuyển giao công nghệ	612.253.000	-
Các khoản thu nhập khác	406.447.443	805.136.728
Cộng	**78.255.526.164**	**62.336.429.694**

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	81.331.525
Tiền thuê đất tại số 376 Điện Biên Phủ, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	641.092.000	574.126.083
Thuế bị phạt, bị truy thu	143.929.039	624.074.488
Chi phí khác	92.309.550	22.477
Cộng	**877.330.589**	**1.279.554.573**

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	653.710.663	492.542.108
Chi phí nhân công	15.850.564.985	14.865.218.347
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.716.443.465	1.355.917.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.218.475.912	5.808.247.715
Chi phí khác	15.547.656.635	21.003.507.753
Cộng	**40.986.851.660**	**43.525.432.935**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền
Trong năm, Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua khoản vốn góp của Công ty TNHH Văn phòng phẩm TIE Miền Bắc chưa trả tiền	5.300.000.000	-
Chuyển khoản phải thu tiền cho vay Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM thành góp vốn vào Công ty này	-	609.000.000
Đặt cọc hợp tác với Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản EXIMLAND - chưa thu tiền	-	1.250.000.000
Chuyển nhượng quyền sử dụng 4.506,2 m^2 đất tại thửa đất số 17, đường Trần Hưng Đạo, Khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang cho Công ty TNHH Tiến Đạt – TIE chưa thu tiền	-	3.000.000.000
Góp thêm vốn vào Công ty TNHH Văn phòng phẩm TIE Miền Bắc bằng hình thức cấn trừ công nợ	-	7.060.000.000
Cộng	**5.300.000.000**	**11.919.000.000**

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt
Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt
Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.808.920.909	1.391.867.000
Tiền thưởng	333.265.000	328.110.000
Thù lao	57.000.000	266.000.000
Cộng	**3.199.185.909**	**1.985.977.000**

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Giải pháp Thông minh Sài Gòn	Công ty con
Công ty TNHH Công ty TNHH Văn phòng phẩm TIE Miền Bắc	Công ty con
Công ty TNHH Tiến Đạt –TIE	Công ty liên kết
Công ty TNHH Mega TIE	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Văn hóa TIE	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác
Các giao dịch phát sinh với các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận do Công ty công bố.

Công nợ với các bên liên quan khác
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.13 và V.17.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh thương mại (chủ yếu là linh kiện điện tử và văn phòng phẩm) và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh.

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	111.071.705.543	-	-	111.071.705.543
Chứng khoán kinh doanh	-	-	4.077.271.370	4.077.271.370
Phải thu khách hàng	3.935.861.384	12.834.639.743	18.248.250.938	35.018.752.065
Các khoản phải thu khác	11.702.737.080	-	3.210.000.000	14.912.737.080
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	8.674.710.000	8.674.710.000
Cộng	**126.710.304.007**	**12.834.639.743**	**34.210.232.308**	**173.755.176.058**
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.062.248.235	-	-	103.062.248.235
Chứng khoán kinh doanh	-	-	4.077.271.370	4.077.271.370
Phải thu khách hàng	38.537.300.507	31.971.574.534	8.898.758.579	79.407.633.620
Các khoản phải thu khác	8.596.074.107	-	3.210.000.000	11.806.074.107
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	17.174.710.000	17.174.710.000
Cộng	**150.195.622.849**	**31.971.574.534**	**33.360.739.949**	**215.527.937.332**

Chi tiết thời gian quá hạn của khoản phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quá hạn dưới 6 tháng	7.534.639.743	28.271.303.722
Quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm	5.300.000.000	-
Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	-	3.700.270.812
Cộng	**12.834.639.743**	**31.971.574.534**

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính theo kỳ hạn còn lại là từ 01 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn bằng dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất và giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có nhập khẩu hàng hóa phục vụ cho quá trình kinh doanh với đồng tiền giao dịch là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Nợ phải trả thuần có gốc USD của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.086,70	2.012,72
Phải trả người bán	(500.691,04)	(116.016,75)
Nợ phải trả thuần có gốc USD	**(498.604,34)**	**(114.004,03)**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán
Các chứng khoán do Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa
Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác
Năm trước Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh thế chấp các hợp đồng tiền gởi có kỳ hạn trị giá 86.500.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Phương Đông và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để đảm bảo cho khoản vay của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh tại các ngân hàng này. Năm nay Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đã giải chấp tất cả các hợp đồng thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác
Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính
Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	111.071.705.543	-	103.062.248.235	-
Chứng khoán kinh doanh	4.077.271.370	(2.844.507.120)	4.077.271.370	(2.892.591.470)
Phải thu khách hàng	35.018.752.065	(10.836.829.759)	79.407.633.620	(5.548.649.910)
Các khoản phải thu khác	14.912.737.080	(3.210.000.000)	11.806.074.107	(3.210.000.000)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	8.674.710.000	(3.307.233.750)	17.174.710.000	(3.381.373.578)
Cộng	**173.755.176.058**	**(20.198.570.629)**	**215.527.937.332**	**(15.032.614.958)**

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	22.700.208.751	13.614.391.445
Vay ngắn hạn	-	111.409.441.476
Các khoản phải trả khác	7.985.011.771	5.455.828.887
Cộng	**30.685.220.522**	**130.479.661.808**

Giá trị hợp lý

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Phạm Thúy Oanh	**Phạm Thúy Oanh**	**Đỗ Thị Kim Oanh**
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	95.699.000.000	147.214.109.765	20.749.406.458	263.662.516.223
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	15.841.482.185	15.841.482.185
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm trước	-	-	(20.096.790.000)	(20.096.790.000)
Lợi nhuận các chi nhánh chuyển về	-	-	(1.827.068.535)	(1.827.068.535)
Số dư cuối năm trước	**95.699.000.000**	**147.214.109.765**	**14.667.030.108**	**257.580.139.873**
Số dư đầu năm nay	95.699.000.000	147.214.109.765	14.667.030.108	257.580.139.873
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	19.476.040.842	19.476.040.842
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	606.690.179	(3.640.141.072)	(3.033.450.893)
Lợi nhuận các chi nhánh chuyển về	-	-	(2.103.375.416)	(2.103.375.416)
Số dư cuối năm nay	**95.699.000.000**	**147.820.799.944**	**28.399.554.462**	**271.919.354.406**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Phạm Thúy Oanh	**Phạm Thúy Oanh**	**Đỗ Thị Kim Oanh**
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
52 Thành Thái, Q.10, TP. HCM
Tel: 08.8330855 Fax: 08.8332754
http://www.tie.com.vn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37 /CV-TIE17
V/v giải trình lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty năm 2016

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Kính gửi: **- UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức niêm yết theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, **CÔNG TY CỔ PHẦN TIE** giải trình sự chênh lệch Lợi nhuận sau thuế năm 2016 so với cùng kỳ năm 2015 trong **Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty** như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	Chênh lệch	
			Giá trị	Tỷ lệ %
Tổng doanh thu	188.813.388.686	343.434.388.686	-154.621.070.687	-45,02%
Tổng chi phí	163.805.975.065	323.993.466.197	-160.187.491.132	-49,44%
Lợi nhuận trước thuế	25.007.342.934	19.440.922.489	5.566.420.445	28,63%
Lợi nhuận sau thuế	19.476.040.842	15.841.482.185	3.634.558.657	22,94%

- Năm 2016:

+ Doanh thu bán hàng năm 2016 giảm 168.653 triệu đồng so với năm 2015, giá vốn hàng bán năm 2016 giảm 153.108 triệu đồng và chi phí bán hàng năm 2016 giảm 5.554 triệu đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 2.289 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước.

+ Doanh thu tài chính năm 2016 giảm 2.407 triệu đồng, chi phí tài chính năm 2016 giảm 3.933 triệu đồng so với năm 2015.

+ Thu nhập khác năm 2016 tăng 15.919 triệu đồng, chi phí khác năm 2016 giảm 402 triệu đồng so với năm 2015.

+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016 tăng 1.932 triệu đồng so với năm 2015.

Từ các nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế của năm 2016 tăng so với cùng kỳ năm trước 3.634 triệu đồng (tăng 22,94%) .

Trân trọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Đỗ Thị Kim Oanh

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu